TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST Ngày 24/3/2023 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

2. Ông Y Ník Êban.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: bà Giản Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-TA ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn V, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/2/2023, bản tự khai ghi ngày 10/02/2023 và lời khai trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào ngày 07/3/2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn và kéo dài, đến năm 2014 thì mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng sống ly thân, do đó tôi chuyển về sinh sống tại thôn V, xã Y, huyện

Ý, tỉnh Nam Định đến nay; còn ông N sinh sống tại tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xung đột. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn nên tôi khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 22/7/2008 và Nguyễn Lê Thùy V, sinh ngày 24/12/2012. Sau khi vợ chồng sống ly thân thì con chung Nguyễn Lê Ngọc N do ông Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, còn con chung Nguyễn Lê Thùy V do tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyện vọng: Yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung Nguyễn Lê Thùy V đến khi con chung đủ 18 tuổi, đồng ý giao con chung Nguyễn Lê Ngọc N cho ông Nguyễn Văn N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 10/3/2023; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 10/3/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Thừa nhận, tôi và bà Lê Thị Kim L kết hôn với nhau vào ngày 07/3/2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài, đến năm 2014 bà L chuyển về sinh sống tại thôn V, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, trong suốt thời điểm vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Do đó, đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 22/7/2008 và Nguyễn Lê Thùy V, sinh ngày 24/12/2012. Nguyện vọng: Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Lê Ngọc N đến khi con chung đủ 18 tuổi và đồng ý giao con chung Nguyễn Lê Thùy V cho bà L nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: đề nghị xử cho bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn N; về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Thùy V, sinh ngày 24/12/2012 cho bà Lê Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con

chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 22/7/2008 cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:***

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim L và bị đơn ông Nguyễn Văn N đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Bà Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N và giải quyết về con chung. Đây là quan hệ *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét lời khai của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 07/3/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa bà L và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú, xác định: Bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài, đến năm 2014 bà L chuyển về sinh sống tại thôn V, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; còn ông N sinh sống tại tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ thời điểm đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, trong suốt thời điểm sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Như vậy, xét thấy: từ việc mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài không thể hàn gắn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn ông N chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L đối với ông Nguyễn Văn N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2] *Về con chung:* ông N và bà L sinh được 02 (hai) con chung là Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 22/7/2008 và Nguyễn Lê Thùy V, sinh ngày 24/12/2012. Kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung Nguyễn Lê Ngọc N do ông Nguyễn Văn N nuôi dưỡng, còn con chung Nguyễn Lê Thùy V do bà Lê Thị Kim L nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự yêu cầu: Con chung Nguyễn Lê Thùy V tiếp tục giao cho bà Lê Thị Kim L nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và giao con chung Nguyễn Lê Ngọc N cho ông Nguyễn Văn N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các con chung được thể hiện trong tài liệu lưu hồ sơ vụ án, đáp ứng được quyền lợi hợp pháp về mọi mặt của con chung nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở, tuy nhiên bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020510 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Thùy V, sinh ngày 24/12/2012 cho bà Lê Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 22/7/2008 cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở, tuy nhiên bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Kim L phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020510 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện K.
-UBND xã H, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.